

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

*Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**Điều 2.** Căn cứ Kế hoạch tại Điều 1 của Quyết định này, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm tổ chức thực hiện bảo đảm tiến độ, hiệu quả các nhiệm vụ của Chiến lược, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về kết quả thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để th/h);
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Thứ trưởng;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, KHTC.

**BỘ TRƯỞNG**

**Nguyễn Kim Sơn**

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BGDĐT ngày tháng năm 2025 của  
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Thực hiện Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Chiến lược), Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược, cụ thể như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH

- Xây dựng và triển khai các nhiệm vụ và giải pháp để thực hiện Chiến lược thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Là cơ sở để các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo rà soát, xây dựng, điều chỉnh các kế hoạch, chương trình hành động liên quan nhằm thực hiện Chiến lược phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Là cơ sở để tổ chức kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chiến lược, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện và điều chỉnh mục tiêu của Chiến lược (nếu cần thiết) để phù hợp với tình hình thực tế mỗi giai đoạn.

#### II. YÊU CẦU

- Kế hoạch này phải bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược.
- Kế hoạch phải đảm bảo tính khả thi, đúng chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Bộ, thể hiện vai trò của đơn vị chủ trì và sự hợp tác giữa các đơn vị trong và ngoài Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc triển khai thực hiện Chiến lược.

#### III. CÁC NHIỆM VỤ CHUNG

- Quán triệt đầy đủ, sâu sắc các quan điểm, mục tiêu của Chiến lược

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan tuyên truyền, phổ biến nội dung của Chiến lược; phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan có liên quan, các địa phương cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, nhiệm vụ 5 năm, hằng năm; xây dựng các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, dự án về phát triển giáo dục theo phân cấp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện. Hướng dẫn, đôn đốc triển khai thực hiện, kiểm điểm, đánh giá tình hình triển khai và mức độ, khả năng đạt được các mục tiêu của Chiến lược, tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chiến lược theo từng giai

đoạn. Đề xuất điều chỉnh mục tiêu cho phù hợp với bối cảnh khi cần thiết để đảm bảo tính khả thi cao.

2. Tổ chức thực hiện đúng tiến độ các nhiệm vụ, giải pháp trong Chiến lược, cụ thể:

- Nghiên cứu hoàn thiện thể chế, khăn trương xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo; nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách khuyến khích, thúc đẩy thực hiện Chiến lược phù hợp với thẩm quyền theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục thực hiện đổi mới quản lý giáo dục và quản trị cơ sở giáo dục; đổi mới công tác quản lý nhà nước về giáo dục; đổi mới bộ máy quản lý theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ, liên thông trong quản lý nhà nước từ trung ương tới địa phương và các cơ sở giáo dục, trong hệ thống giáo dục quốc dân từ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đến giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý giáo dục và quản trị nhà trường. Tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về giáo dục.

- Thực hiện công bằng và bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục có chất lượng đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, nhất là của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo, khu đô thị đông dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất và các đối tượng là trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, phụ nữ và trẻ em gái, những đối tượng yếu thế khác. Bảo đảm quyền được tiếp cận giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật.

- Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập của người dân. Phát triển hệ thống giáo dục theo hướng mở; linh hoạt, đa dạng hoá các mô hình đào tạo, chương trình giáo dục, phương thức học tập, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong giáo dục để phù hợp với mọi đối tượng người học, thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập. Gắn kết liên thông giữa giáo dục phổ thông với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Rà soát, ưu tiên bố trí đủ quỹ đất để xây dựng cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học; xây dựng hạ tầng phục vụ mở rộng không gian phát triển, thực hiện kế hoạch di dời các cơ sở giáo dục đại học trong nội thành ra khu vực ngoại vi của các thành phố lớn.

- Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục. Đổi mới Chương trình giáo dục mầm non bảo đảm đồng bộ về nội dung và phương pháp, tiếp cận xu hướng tiên tiến về phát triển chương trình, phù hợp với tình hình thực tiễn, liên thông với đổi mới giáo dục phổ thông. Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông hướng đến phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực từng cá nhân người học. Đổi mới chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông. Nâng cao chất lượng giáo dục đại học, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực các ngành đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nhất là các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ và các ngành mới như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, bán dẫn,... Hoàn thiện các phương thức đánh giá, tiếp cận các thông lệ tốt của quốc tế, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và tăng cường phân tích kết quả đánh giá phục vụ dạy học và quản lý giáo dục. Đẩy mạnh công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo trình độ đại học. Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo; từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Xây dựng và triển khai Đề án Ngoại ngữ Quốc gia trong giai đoạn mới.

- Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên ngành giáo dục đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, hợp lý và đồng bộ về cơ cấu đội ngũ, đạt chuẩn nghề nghiệp. Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên ngành giáo dục theo hướng phát triển năng lực và đạo đức nghề nghiệp. Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách tuyển dụng, quản lý sử dụng, đãi ngộ, trọng dụng nhân tài, bảo đảm các điều kiện cần thiết về vật chất và tinh thần để nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ của mình, yên tâm công tác và cống hiến. Có chính sách khuyến khích, ưu đãi đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục công tác tại vùng núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo; nhất là nhà giáo, cán bộ quản lý là nữ, người dân tộc thiểu số, nhà giáo đang công tác trong các cơ sở giáo dục chuyên biệt. Thực hiện chủ trương lương của nhà giáo được ưu tiên cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp và có thêm phụ cấp tùy theo tính chất công việc, theo vùng.

- Bảo đảm nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho phát triển giáo dục. Bổ trí ngân sách nhà nước chi cho giáo dục, đào tạo bảo đảm đạt tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước theo quy định và quản lý sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính cho phát triển giáo dục và đào tạo. Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho giáo dục bắt buộc, giáo dục phổ cập, miễn học phí cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi, xoá mù chữ, phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông, các nhiệm vụ trọng điểm, các chương trình mục tiêu, các ngành nghề mũi nhọn; ưu tiên đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích cộng đồng, xã hội tham gia phát triển giáo dục. Xây dựng, triển khai chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non và phổ thông bảo đảm điều kiện tối thiểu thực hiện chương trình. Tăng cường nguồn lực đầu tư cho phát triển giáo dục đại học tương xứng với vị trí vai trò của giáo dục đại học, nhất là cho đào tạo nhân lực chất lượng cao, cho các ngành trọng điểm, công nghệ cao. Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá và ưu tiên phân bổ đầu tư nguồn lực để phát triển các đại học quốc gia, đại học vùng, các trường đại học xuất sắc theo hiệp định quốc tế, các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm và các trường đại học sư phạm ngang tầm các nước tiên tiến, có đủ năng lực, điều kiện để giữ vai trò nòng cốt trong đào tạo và nghiên cứu khoa học. Xây dựng, thực hiện Chương trình đầu tư công hiện đại hoá giáo dục đại học.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục. Triển khai Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý và cơ sở dữ liệu toàn ngành giáo dục, đồng bộ, thống nhất kết nối dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, các cấp quản lý giáo dục, kết nối dữ liệu giữa ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia. Xây dựng và khai thác nguồn tài nguyên giáo dục mở, đáp ứng cơ hội học tập suốt đời cho người dân. Đẩy mạnh đào tạo trực tuyến theo chuẩn quốc tế. Khuyến khích phát triển và khai thác dữ liệu lớn, áp dụng trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Nghiên cứu, thí điểm và triển khai các mô hình trường học mới như trường học số, trường học thông minh; triển khai mạnh mẽ mô hình giáo dục đại học số nhằm phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học. Đầu tư nâng cao tiềm lực nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học; ưu tiên đầu tư phát triển khoa học cơ bản, khoa học mũi nhọn, công nghệ mới và nghiên cứu ứng dụng những lĩnh vực Việt Nam có thế mạnh; phát triển một số cơ sở giáo dục đại học trở thành hạt nhân thúc đẩy mạng lưới trung tâm đào tạo xuất sắc và tài năng về công nghệ ưu tiên của công nghệ 4.0. Tăng cường công bố khoa học, khuyến khích xuất bản và phổ biến các công trình nghiên cứu khoa học trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế, bảo đảm liêm chính học thuật. Nâng cao chất lượng tạp chí khoa học của các cơ sở giáo dục đại học để gia nhập hệ thống trích dẫn có uy tín của khu vực và thế giới. Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tập trung đẩy mạnh gắn kết giữa đào tạo với nghiên cứu, phát triển khoa học và

đổi mới sáng tạo, đặc biệt là đào tạo sau đại học và tạo ra tài sản trí tuệ. Đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp, khuyến khích thành lập doanh nghiệp ứng dụng chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục đại học.

- Tăng cường hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh việc ký kết và triển khai hiệu quả các thỏa thuận, điều ước quốc tế, trong đó ưu tiên thực hiện các cam kết quốc tế, khu vực về mục tiêu phát triển giáo dục, chương trình, dự án và các chương trình học bổng hiệp định. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế giữa các cơ sở giáo dục của Việt Nam và các đối tác có uy tín của nước ngoài. Tham gia các chương trình đánh giá, xếp hạng chất lượng giáo dục quốc tế đối với giáo dục phổ thông và các bảng xếp hạng đại học quốc tế có uy tín. Tăng cường trao đổi học sinh, sinh viên và giảng viên; chia sẻ kinh nghiệm quản lý giáo dục và hợp tác nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh việc thu hút sinh viên quốc tế đến học tập tại Việt Nam. Đẩy mạnh hợp tác và đầu tư với nước ngoài, phát triển các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông chất lượng cao, các trường đại học theo hiệp định hợp tác đã ký giữa Việt Nam và nước ngoài; thu hút các cơ sở giáo dục đại học uy tín của nước ngoài mở phân hiệu tại Việt Nam. Tăng cường đưa tiếng Việt và văn hóa Việt Nam ra nước ngoài; nâng cao chất lượng dạy học tiếng Việt cho người nước ngoài ở Việt Nam.

3. Đảm bảo sự nhất quán với việc tổ chức thực hiện các chương trình hành động của Chính phủ thực hiện các Nghị quyết của Đảng, các chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của địa phương và của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong từng thời kỳ.

#### **IV. CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)**

##### **V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Hàng năm, các đơn vị căn cứ vào nhiệm vụ được giao của Chiến lược và Kế hoạch này, đề xuất kinh phí thực hiện theo quy định.

2. Nguồn kinh phí: Kinh phí chi thường xuyên của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

##### **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Các đồng chí Thứ trưởng thường xuyên theo dõi, chỉ đạo các đơn vị chức năng triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Chiến lược và Kế hoạch này; phối hợp, làm việc với các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan để bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về kết quả thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phụ trách.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ:

- Tổ chức thực hiện những nhiệm vụ và nội dung công tác thuộc lĩnh vực được giao tại mục III và Phụ lục kèm theo Quyết định này, bảo đảm chất lượng và đúng thời hạn yêu cầu; tham mưu, đề xuất các giải pháp, biện pháp cụ thể điều hành trong lĩnh vực phụ trách, kịp thời báo cáo, tham mưu cho Lãnh đạo Bộ xem xét, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với những vấn đề vượt thẩm quyền;

chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Bộ về kết quả thực hiện các nhiệm vụ đơn vị được giao phụ trách.

- Phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với các cơ quan, đơn vị liên quan trong tham mưu, đề xuất giải pháp, biện pháp cụ thể trong thực hiện Kế hoạch này; kịp thời báo cáo Lãnh đạo Bộ những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao, gửi Vụ Kế hoạch – Tài chính để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Chiến lược khi có yêu cầu.

3. Vụ Kế hoạch – Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đôn đốc, theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch, nếu cần sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ cụ thể, các đơn vị chủ động báo cáo Bộ trưởng và Lãnh đạo Bộ phụ trách xem xét, đồng thời cung cấp thông tin về Vụ Kế hoạch – Tài chính để tổng hợp./.

## Phụ lục

**Phân công thực hiện các nhiệm vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BGDĐT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

STT	Nhiệm vụ/giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Hình thức/Kết quả thực hiện
1	<b>Tuyên truyền, phổ biến Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045</b>				
1.1	Tuyên truyền về Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024	Báo Giáo dục và Thời đại	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Quý I/2025	Tài liệu, sản phẩm tuyên truyền
1.2	Tổ chức Hội nghị phổ biến/triển khai nội dung Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024	Vụ KHTC	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Quý I/2025	Hội nghị
2	<b>Hoàn thiện thể chế trong giáo dục và đào tạo</b>				
2.1	Thực hiện rà soát, đề xuất, hoàn thiện hệ thống pháp luật, các cơ chế, chính sách về giáo dục, đào tạo	Vụ Pháp chế	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới.
2.2	Nghiên cứu đề xuất xây dựng Luật Học tập suốt đời	Vụ GDTX	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2029	Luật và các văn bản dưới Luật
2.3	Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục	Vụ Pháp chế	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2028	Luật và các văn bản dưới Luật



STT	Nhiệm vụ/giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Hình thức/Kết quả thực hiện
			vị liên quan		
2.4	Triển khai xây dựng Luật Giáo dục Đại học (sửa đổi)	Vụ GDĐH	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2027	Luật và các văn bản dưới Luật
2.5	Phối hợp Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh	Vụ GDQP&AN	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2025 - 2030	Luật và các văn bản dưới Luật
2.6	Nghiên cứu đề xuất giải pháp để hoàn thiện cơ chế, chính sách đầu tư cho giáo dục và đào tạo; các chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng và thuế đối với tất cả cơ sở giáo dục... bảo đảm tính đồng bộ của các văn bản pháp luật liên quan, nhất là về đầu tư, tài chính, tài sản công, ngân sách nhà nước	Vụ KHTC	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới.
2.7	Ban hành chương trình giáo dục mầm non mới	Vụ GDMN	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2028	Văn bản ban hành Chương trình giáo dục mầm non mới
2.8	Tham mưu xây dựng Đề án phát triển giáo dục thường xuyên đa dạng về nội dung và hình thức, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân	Vụ GDTX	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2026	Văn bản ban hành Chương trình giáo dục thường xuyên
2.9	Xây dựng và ban hành chuẩn chương trình đào tạo các khối ngành, lĩnh vực về giáo dục đại học phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế và Khung trình độ quốc gia Việt Nam	Vụ GDĐH	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2027	Các văn bản ban hành chuẩn chương trình đào tạo cho các ngành, nhóm ngành cụ thể.
2.10	Tiếp tục hoàn thiện các quy định về liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo, tạo thuận lợi cho người học nâng cao trình độ và chuyển đổi ngành nghề	Vụ GDĐH	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2027	Văn bản quy định về liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo; Khung trình độ quốc gia Việt Nam và Khung

STT	Nhiệm vụ/giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Hình thức/Kết quả thực hiện
					Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân
2.11	Hoàn thiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam và Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân				
2.12	Xây dựng Nghị định quy định về cơ chế tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học	Vụ GDĐH	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2027	Văn bản quy định về tự chủ đại học
2.13	Phối hợp hoàn thiện các quy định liên quan đến khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học; hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích thương mại hoá kết quả nghiên cứu khoa học và hợp tác nghiên cứu, triển khai giữa các cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp.	Vụ KH&MT	Bộ KH&MT, các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2027	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới.
2.14	Nghiên cứu xây dựng hành lang pháp lý về ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo	Cục CNTT	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2026	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới.
2.15	Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá để thu hút, sử dụng chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy, nghiên cứu và làm việc ở các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam; đẩy mạnh việc thu hút sinh viên quốc tế đến học tập tại Việt Nam	Cục HTQT	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2026	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới.
2.16	Nghiên cứu, đề xuất, hoàn thiện cơ chế, chính sách tiền lương, tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đãi ngộ, thu hút, trọng dụng nhân tài đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; chính sách động viên kịp thời đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục công tác tại vùng núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo, nhất là nhà giáo, cán bộ quản lý là nữ, người dân tộc	Cục NGCBQLGD	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2025	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới.

STT	Nhiệm vụ/giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Hình thức/Kết quả thực hiện
	thiếu số; có chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với nhà giáo công tác tại cơ sở giáo dục chuyên biệt.				
<b>3</b>	<b>Đổi mới quản lý giáo dục và quản trị nhà trường</b>				
3.1	Triển khai các hoạt động, giải pháp đổi mới bộ máy quản lý theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ, liên thông trong quản lý nhà nước từ trung ương tới địa phương và các cơ sở giáo dục, trong hệ thống giáo dục quốc dân từ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đến giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	Vụ TCCB	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
3.2	Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý giáo dục các cấp; tăng cường năng lực thực thi; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; tăng cường vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trong việc quyết định về biên chế, tổ chức bộ máy, chính sách đối với nhà giáo và phân bổ ngân sách nhà nước cho ngành giáo dục.	Vụ TCCB	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2026	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
3.3	Triển khai các hoạt động, giải pháp nhằm đổi mới cơ chế quản trị cơ sở giáo dục theo hướng khoa học, hiện đại phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế và thực tiễn ở nước ta; tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với nâng cao trách nhiệm giải trình, phát huy dân chủ của các cơ sở giáo dục; bảo đảm việc tham gia của người học, gia đình và xã hội trong giám sát các cơ sở giáo dục. Xây dựng môi trường văn hóa - giáo dục lành mạnh, phù hợp với yêu cầu của gia đình và xã hội.	Vụ GDTrH	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
3.4	Xây dựng Đề án xây dựng văn hóa học đường giai đoạn 2026 - 2035	Vụ GDCTCTHSSV	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2026	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

STT	Nhiệm vụ/giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Hình thức/Kết quả thực hiện
3.5	Triển khai các hoạt động, giải pháp nhằm đẩy mạnh tự chủ đại học và đổi mới quản trị cơ sở giáo dục đại học theo hướng hiện đại, phù hợp với xu thế chung của thế giới.	Vụ GDĐH	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
3.6	Triển khai các hoạt động, giải pháp nhằm thực hiện việc bí thư cấp ủy kiêm chủ tịch hội đồng trường, hội đồng đại học công lập; đồng thời, làm rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ giữa chủ tịch hội đồng trường với hiệu trưởng để có quy định phù hợp với thực tiễn, có tính đến đặc thù của các trường thuộc khối Công an, Quân đội.	Vụ TCCB	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2026	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
3.7	Triển khai đánh giá toàn diện việc thực hiện chủ trương sắp xếp, sáp nhập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên trên cả nước để có giải pháp phù hợp, tạo thuận lợi cho công tác quản lý và phát triển hệ thống này trong thời gian tới.	Vụ GDTX	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2025	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
3.8	Triển khai các hoạt động, giải pháp nhằm tăng cường chất lượng của công tác lập kế hoạch; tổ chức dự báo, cung cấp thường xuyên các thông tin về phát triển giáo dục và nhu cầu nhân lực của xã hội cho các ngành, các cấp, các cơ sở giáo dục để điều tiết quy mô, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo cho phù hợp với nhu cầu sử dụng.	Cục CNTT	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
3.9	Triển khai các hoạt động, giải pháp nhằm tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về giáo dục; thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn về công tác thanh tra, kiểm tra của các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, cơ sở giáo dục, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch. Tăng cường năng lực đội ngũ thanh tra giáo	Thanh tra	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc

STT	Nhiệm vụ/giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Hình thức/Kết quả thực hiện
	dục để góp phần nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.				
<b>4</b>	<b>Thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục</b>				
4.1	Triển khai các hoạt động, giải pháp nhằm thực hiện công bằng và bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục có chất lượng đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, nhất là của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo, khu đô thị đông dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất và các đối tượng là trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, phụ nữ và trẻ em gái, những đối tượng yếu thế khác.	Vụ GDĐT	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
4.2	Triển khai các hoạt động, giải pháp để tăng cường dạy học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số, gìn giữ và phát huy giá trị ngôn ngữ, văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số, tăng cường chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ	Vụ GDĐT	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
4.3	Xây dựng Đề án phát triển và bảo tồn tiếng nói, chữ viết các dân tộc giai đoạn 2030 - 2045	Vụ GDĐT	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2029	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
4.4	Thực hiện xây dựng chính sách hỗ trợ trẻ dưới 36 tháng tuổi được vào học ở nhà trẻ, nhất là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị đông dân cư.	Vụ GDMN	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2026	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc

STT	Nhiệm vụ/giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Hình thức/Kết quả thực hiện
4.5	Triển khai các hoạt động, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ, tiến tới xóa mù chức năng	Vụ GDTX	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
4.6	Hoàn thiện chính sách hỗ trợ cho người học là đối tượng chính sách xã hội, người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo; chính sách cho sinh viên theo chế độ cử tuyển, học sinh trường dự bị đại học, người học là người dân tộc thiểu số rất ít người.	Vụ GDDT	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2025	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
4.7	Hoàn thiện chính sách tín dụng giáo dục, học bổng, trợ cấp xã hội cho người học;	Vụ GDCTHSSV	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2025	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
4.8	Hoàn thiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt, tạo cơ hội học tập công bằng cho mọi người	Vụ KHTC	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2025	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
4.9	Triển khai hoạt động, giải pháp nhằm bảo đảm quyền được tiếp cận giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật. Tiếp tục triển khai có hiệu quả ba phương thức giáo dục cho người khuyết tật là phương thức giáo dục hòa nhập, bán hòa nhập và chuyên biệt, trong đó đặc biệt quan tâm đến phương thức giáo dục hòa nhập.	Vụ GDTH	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc

STT	Nhiệm vụ/giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Hình thức/Kết quả thực hiện
4.10	Triển khai hoạt động, giải pháp nhằm củng cố, phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, hệ thống trường dự bị đại học nhằm duy trì kết quả phổ cập giáo dục và tạo nguồn đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Vụ GDDT	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
<b>5</b>	<b>Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập của người dân</b>				
5.1	Tổ chức nghiên cứu phát triển các mô hình mới như trường học số, trường học thông minh, trường học hạnh phúc, trường chất lượng cao, trường công lập tự chủ...	Vụ GDTrH	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2025	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
5.2	Xây dựng Kế hoạch triển khai Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050,	Vụ GDĐH	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2025	Kế hoạch của Bộ GDĐT
5.3	Triển khai hiệu quả Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo đủ năng lực, quy mô, đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật.	Vụ GDTH	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Hằng năm, thường xuyên	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
5.4	Triển khai các hoạt động, giải pháp nhằm rà soát, ưu tiên bố trí đủ quỹ đất để xây dựng cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học; xây dựng hạ tầng phục vụ mở rộng không gian phát triển, thực hiện kế hoạch di dời các cơ sở giáo dục đại	Vụ CSVCS	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Hằng năm, thường xuyên	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc

STT	Nhiệm vụ/giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Hình thức/Kết quả thực hiện
	học trong nội thành ra khu vực ngoại vi của các thành phố lớn.				
<b>6</b>	<b>Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục</b>				
6.1	Xây dựng Đề án đổi mới chương trình giáo dục mầm non	Vụ GDMN	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2025	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
6.2	Xây dựng Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi	Vụ GDMN	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2025	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
6.3	Thực hiện xây dựng Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045	Vụ GDMN	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2026	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
6.4	Triển khai các hoạt động, giải pháp để nâng cao chất lượng việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới. Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông hướng đến phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực từng cá nhân người học; đẩy mạnh phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học trong trường phổ thông; nâng cao năng lực tự học và ý thức học tập suốt đời; khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện của bản thân	Vụ GDTrH		Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
6.5	Xây dựng Đề án nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045	Vụ GDTrH	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2026	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
6.6	Xây dựng Đề án đảm bảo điều kiện để thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo Luật Giáo dục năm 2019	Vụ GDTH	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2027	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ



STT	Nhiệm vụ/giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Hình thức/Kết quả thực hiện
			vị liên quan		
6.7	Tổ chức thực hiện tốt công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh; khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình, tài liệu, đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông và các trung tâm giáo dục thường xuyên. Tăng cường lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục. Nghiên cứu xây dựng khung kỹ năng bồi dưỡng, thúc đẩy tinh thần doanh nhân, tinh thần khởi nghiệp cho học sinh phổ thông.	Vụ GDTrH	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
6.8	Xây dựng Đề án phát triển giáo dục thường xuyên đa dạng về nội dung và hình thức, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân	Vụ GDTX	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2026	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
6.9	Rà soát sửa đổi chương trình xóa mù chữ; chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông				
6.10	Triển khai các hoạt động, giải pháp nhằm tăng cường các nguồn lực đầu tư để nâng cao chất lượng giáo dục đại học, tạo sự chuyên biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực các ngành đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nhất là các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ và các ngành mới như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, bán dẫn,...	Vụ KHTC	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
6.11	Hướng dẫn các cơ sở giáo dục đại học tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo theo hướng khuyến khích lồng ghép nội dung về tinh thần doanh nhân, tinh thần khởi	Vụ GDĐH	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn

STT	Nhiệm vụ/giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Hình thức/Kết quả thực hiện
	nghiệp vào chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.				bản chỉ đạo, hướng dẫn, đơn đốc
6.12	Triển khai các hoạt động, giải pháp nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục quốc phòng và an ninh, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, ý thức, trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho học sinh, sinh viên. Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức, bảo đảm thời lượng phù hợp để tổ chức các hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, phổ biến kiến thức pháp luật, kỹ năng sống; hoạt động giáo dục hướng nghiệp, trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho học sinh, sinh viên.	Vụ GDCTHSSV	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đơn đốc
6.13	Triển khai các hoạt động, giải pháp để tăng cường công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao, xây dựng trường học an toàn, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh toàn diện cả về thể chất và tinh thần. Xây dựng các tiêu chí, yêu cầu cần đạt để đánh giá tích cực, chủ động của học sinh, sinh viên khi tham gia các hoạt động.	Vụ GDTC	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đơn đốc
6.14	Triển khai các hoạt động, giải pháp nhằm đổi mới đánh giá người học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực; thúc đẩy môi trường học tập hài hòa, hạnh phúc, giảm nhẹ áp lực học tập, phát huy tối đa tiềm năng của người học, khuyến khích học theo đam mê và sở thích. Hoàn thiện các phương thức đánh giá, tiếp cận các thông lệ tốt của quốc tế, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và tăng cường phân tích kết quả đánh giá phục vụ dạy học và quản lý giáo dục.	Cục QLCL	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đơn đốc
6.15	Triển khai các hoạt động, giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục,	Cục QLCL	Các bộ ngành, cơ quan và đơn	Thường xuyên, hằng	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy

STT	Nhiệm vụ/giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Hình thức/Kết quả thực hiện
	kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo trình độ đại học.		vị liên quan	năm	định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
6.16	Triển khai hiệu quả các chu kỳ đánh giá diện rộng cấp quốc gia nhằm định kỳ cung cấp các thông tin khách quan, tin cậy về chất lượng giáo dục phổ thông, làm cơ sở đề xuất các chính sách, giải pháp đổi mới các hoạt động dạy và học đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông và hội nhập quốc tế. Khuyến khích tổ chức, cá nhân, người sử dụng lao động tham gia xây dựng, điều chỉnh, thực hiện chương trình đào tạo và đánh giá năng lực người học.	Cục QLCL	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
6.17	Xây dựng Đề án dạy và học ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2026 - 2035, định hướng đến năm 2045	Ban ĐANNQG	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2025	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
6.18	Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo; từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; khuyến khích dạy học một số môn học bằng ngoại ngữ trong giáo dục phổ thông và đào tạo bằng ngoại ngữ một số ngành học đại học; đảm bảo đội ngũ giáo viên ngoại ngữ đủ về số lượng và chất lượng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và hợp tác quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ.	Cục HTQT	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
6.19	Ưu tiên đầu tư đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh cho các trường sư phạm, các ngành đào tạo giáo viên; các chương trình đào tạo đại học triển khai dạy học ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.	Cục NGCBQLGD	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc

STT	Nhiệm vụ/giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Hình thức/Kết quả thực hiện
6.20	Xây dựng và triển khai quy trình phát hiện sớm, bồi dưỡng và định hướng phát triển năng khiếu, tài năng trong học sinh, sinh viên, nhất là trong các môn học, các ngành nghề STEM	Vụ GDTrH	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
6.21	Ưu tiên tuyển chọn và cấp học bổng cho những cá nhân xuất sắc đi học tập ở nước ngoài theo các chương trình học bổng có sử dụng ngân sách nhà nước phù hợp với định hướng phát triển nhân lực quốc gia	Cục HTQT	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
6.22	Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục.	Cục QLCL	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2026	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
6.23	Đề án đổi mới hình thức thi tốt nghiệp THPT thí điểm thi trên máy tính từ năm 2027 và triển khai đồng bộ sau năm 2030	Cục QLCL	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2026	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
<b>7</b>	<b>Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục</b>				
7.1	Xây dựng Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2026 - 2035	Cục NGCBQLGD	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2026	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
7.2	Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên ngành giáo dục đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, hợp lý và đồng bộ về cơ cấu đội ngũ, đạt chuẩn nghề nghiệp.	Cục NGCBQLGD	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc

STT	Nhiệm vụ/giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Hình thức/Kết quả thực hiện
7.3	Phát triển hệ thống đào tạo giáo viên theo quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Vụ GDĐH	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các dự án được phê duyệt
7.4	Triển khai các hoạt động, giải pháp nhằm sắp xếp, bố trí, sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên hiện có; đổi mới cơ chế tuyển dụng, sử dụng giáo viên đảm bảo các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên được bố trí đủ định mức giáo viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non mới, Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Chương trình giáo dục thường xuyên.	Cục NGCBQLGD	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
7.5	Rà soát, sửa đổi, bổ sung Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2030	Vụ GDĐH	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2026	Đề án được phê duyệt
7.6	Xây dựng chính sách thu hút các nhà khoa học trong và ngoài nước, người có trình độ tiến sĩ làm giảng viên tại các cơ sở giáo dục đại học	Cục HTQT	Vụ TCCB và các đơn vị liên quan		Văn bản, chính sách...
7.7	Triển khai các hoạt động, giải pháp nhằm đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên ngành giáo dục theo hướng phát triển năng lực và đạo đức nghề nghiệp.	Cục NGCBQLGD	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
7.8	Triển khai các hoạt động, giải pháp nhằm đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách tuyển dụng, quản lý sử dụng, đãi ngộ, trọng dụng nhân tài, bảo đảm các điều kiện cần thiết về vật chất và tinh thần để nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ của mình,	Cục NGCBQLGD	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc

STT	Nhiệm vụ/giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Hình thức/Kết quả thực hiện
	yên tâm công tác và cống hiến; đồng thời thu hút được người giỏi vào ngành giáo dục và tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục phát triển; nghiên cứu, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về giáo dục đào tạo ở các cấp học gắn với hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển đội ngũ.				
7.9	Xây dựng chính sách khuyến khích, ưu đãi đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục công tác tại vùng núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo; nhất là nhà giáo, cán bộ quản lý là nữ, người dân tộc thiểu số, nhà giáo đang công tác trong các cơ sở giáo dục chuyên biệt. Thực hiện chủ trương lương của nhà giáo được ưu tiên cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp và có thêm phụ cấp tùy theo tính chất công việc, theo vùng.	Cục NGCBQLGD	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
7.10	Xây dựng Đề án đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh giai đoạn 2026 - 2035	Vụ GDQPAN	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2025	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
<b>8</b>	<b>Bảo đảm nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho phát triển giáo dục</b>				
8.1	Đề xuất các giải pháp để đảm bảo bố trí ngân sách nhà nước chi cho giáo dục, đào tạo bảo đảm đạt tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước theo quy định và quản lý sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính cho phát triển giáo dục và đào tạo. Kịp thời điều chỉnh tăng mức chi ngân sách cho giáo dục và đào tạo phù hợp với tăng trưởng của nền kinh tế. Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho giáo dục bắt buộc, giáo dục phổ cập, miễn học phí cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi, xoá mù chữ, phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông, các	Vụ KHTC	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc

STT	Nhiệm vụ/giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Hình thức/Kết quả thực hiện
	nhiệm vụ trọng điểm, các chương trình mục tiêu, các ngành nghề mũi nhọn; ưu tiên đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.				
8.2	Nghiên cứu cơ chế phân bổ nguồn lực theo hướng chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ giáo dục theo kết quả đầu ra.	Vụ KHTC	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
8.3	Thực hiện cơ chế đặt hàng hoặc đấu thầu trên cơ sở hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng của một số loại hình dịch vụ đào tạo. Tiến tới bình đẳng về quyền được nhận hỗ trợ của nhà nước đối với người học ở trường công lập và tư thục.	Vụ KHTC	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
8.4	Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích cộng đồng, xã hội tham gia phát triển giáo dục, nhất là đầu tư phát triển các loại hình cơ sở giáo dục tư thục đáp ứng nhu cầu xã hội, nhất là loại hình tư thục chất lượng cao và không vì lợi nhuận; để tăng cường huy động và thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước cho phát triển giáo dục.	Vụ KHTC	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
8.5	Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để khuyến khích hình thành các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài, giúp học sinh, sinh viên nghèo có thành tích học tập tốt.	Vụ GDCTHSSV	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
8.6	Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm phát triển các hình thức liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước	Vụ KHCMNT	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy

STT	Nhiệm vụ/giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Hình thức/Kết quả thực hiện
	đề đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, chuyển giao kết quả nghiên cứu, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.		vị liên quan	năm	định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
8.7	Xây dựng, triển khai Chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non và phổ thông giai đoạn 2026 - 2035 bảo đảm điều kiện tối thiểu thực hiện chương trình. Đồng thời, tích hợp các mục tiêu tăng cường cơ sở vật chất trường, lớp học vào các chương trình mục tiêu quốc gia. Tiếp tục đầu tư xây dựng các trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia.	Vụ CSV	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2025	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
8.8	Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm huy động đa dạng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi, viện trợ không hoàn lại, vốn đầu tư, tài trợ của tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác; phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn đầu tư công để gia tăng thu hút các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục. Tăng cường nguồn lực đầu tư cho phát triển giáo dục đại học tương xứng với vị trí vai trò của giáo dục đại học, nhất là cho đào tạo nhân lực chất lượng cao, cho các ngành trọng điểm, công nghệ cao.	Vụ KHTC	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
8.9	Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá và ưu tiên phân bổ đầu tư nguồn lực để phát triển các đại học quốc gia, đại học vùng, các trường đại học xuất sắc theo hiệp định quốc tế, các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm và các trường đại học sư phạm ngang tầm các nước tiên tiến, có đủ năng lực, điều kiện để giữ vai trò nòng cốt trong đào tạo và nghiên cứu khoa học.	Vụ KHTC	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
8.10	Xây dựng, thực hiện Chương trình đầu tư công hiện đại hoá giáo dục đại học phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, sư phạm và cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ	Vụ CSV	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2025	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ



STT	Nhiệm vụ/giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Hình thức/Kết quả thực hiện
	2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để tạo đột phá trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đảm bảo đầy đủ nguồn lực để triển khai thực hiện quy hoạch và các đề án đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho phát triển các ngành kinh tế quan trọng và các lĩnh vực công nghệ cao được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.				
<b>9</b>	<b>Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục</b>				
9.1	Triển khai Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo.	Cục CNTT	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
9.2	Xây dựng Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2030	Cục CNTT	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2026	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
9.3	Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị, quản lý giáo dục; hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý và cơ sở dữ liệu toàn ngành giáo dục, đồng bộ, thống nhất kết nối dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, các cấp quản lý giáo dục, kết nối dữ liệu giữa ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia; tất cả cơ sở giáo dục triển khai dạy học, quản lý nhà trường trên nền tảng số bảo đảm thiết thực và hiệu quả, tạo nên hệ sinh thái chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục.	Cục CNTT	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
9.4	Xây dựng và khai thác nguồn tài nguyên giáo dục mở, đáp ứng cơ hội học tập suốt đời cho người dân. Phát triển kho học liệu số dùng chung toàn ngành. Đẩy mạnh đào tạo trực tuyến	Cục CNTT	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn

STT	Nhiệm vụ/giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Hình thức/Kết quả thực hiện
	theo chuẩn quốc tế. Khuyến khích phát triển và khai thác dữ liệu lớn, áp dụng trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo.				bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
9.5	Nghiên cứu, thí điểm và triển khai các mô hình trường học mới như trường học số, trường học thông minh; triển khai mạnh mẽ mô hình giáo dục đại học số nhằm phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.	Cục CNTT	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2026	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
9.6	Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án thí điểm mô hình giáo dục đại học số	Vụ GDĐH	Các đơn vị liên quan	2025	Kế hoạch của Bộ GDĐT
9.7	Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đảm bảo các điều kiện về nhân lực và hạ tầng số, đường truyền, băng thông, nền tảng tích hợp - chia sẻ dữ liệu, đảm bảo an toàn thông tin, ưu tiên hỗ trợ các cơ sở giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong hợp tác nghiên cứu, triển khai ứng dụng và thu hút nguồn vốn đầu tư xây dựng các hệ thống công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành giáo dục.	Cục CNTT	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
<b>10</b>	<b>Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học</b>				
10.1	Xây dựng Đề án tăng cường hoạt động nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với hoạt động đào tạo trong cơ sở giáo dục đại học	Vụ KHCMNT	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2027	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
10.2	Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để đầu tư nâng cao tiềm lực nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở	Vụ KHCMNT	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy

STT	Nhiệm vụ/giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Hình thức/Kết quả thực hiện
	giáo dục đại học; ưu tiên đầu tư phát triển khoa học cơ bản, khoa học mũi nhọn, công nghệ mới và nghiên cứu ứng dụng những lĩnh vực Việt Nam có thế mạnh; phát triển một số cơ sở giáo dục đại học trở thành hạt nhân thúc đẩy mạng lưới trung tâm đào tạo xuất sắc và tài năng về công nghệ ưu tiên của công nghệ 4.0.		vị liên quan	năm	định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
10.3	Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm tăng cường công bố khoa học, khuyến khích xuất bản và phổ biến các công trình nghiên cứu khoa học trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế, bảo đảm liêm chính học thuật. Nâng cao chất lượng tạp chí khoa học của các cơ sở giáo dục đại học để gia nhập hệ thống trích dẫn có uy tín của khu vực và thế giới.	Vụ KHCNMT	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
10.4	Thực hiện phân bổ ngân sách chi sự nghiệp khoa học công nghệ tương xứng với năng lực và kết quả hoạt động khoa học công nghệ của các cơ sở giáo dục đại học.	Vụ KHTC	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
10.5	Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tập trung đẩy mạnh gắn kết giữa đào tạo với nghiên cứu, phát triển khoa học và đổi mới sáng tạo, đặc biệt là đào tạo sau đại học và tạo ra tài sản trí tuệ. Tăng cường nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.	Vụ KHTC, Vụ KHCNMT	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
10.6	Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp, khuyến khích thành lập doanh nghiệp ứng dụng chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục đại học. Hình thành văn hóa khởi	Vụ GDCTCTHSSV	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc

STT	Nhiệm vụ/giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Hình thức/Kết quả thực hiện
	nghiệp và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục từ phổ thông đến đại học; hình thành mạng lưới đổi mới sáng tạo, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học.				
10.7	Xây dựng Đề án hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp giai đoạn 2026 - 2035	Vụ GDCTCTHSSV	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2025	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
10.8	Phát triển nghiên cứu khoa học giáo dục và khoa học quản lý giáo dục; tập trung đầu tư nâng cao tiềm lực và hiệu quả hoạt động của cơ quan nghiên cứu khoa học giáo dục quốc gia. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nghiên cứu và chuyên gia giáo dục. Tiếp tục triển khai Chương trình nghiên cứu cấp quốc gia về khoa học giáo dục và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học giáo dục ở các cơ sở giáo dục và đào tạo.	Viện KHGDVN	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
<b>11</b>	<b>Tăng cường hội nhập quốc tế</b>				
11.1	Chủ động mở rộng hợp tác song phương và đa phương; thúc đẩy hợp tác với các nước ASEAN và các nước có nền giáo dục chất lượng hàng đầu thế giới. Đẩy mạnh việc ký kết và triển khai hiệu quả các thỏa thuận, điều ước quốc tế, trong đó ưu tiên thực hiện các cam kết quốc tế, khu vực về mục tiêu phát triển giáo dục, chương trình, dự án và các chương trình học bổng hiệp định	Cục HTQT	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
11.2	Đẩy mạnh hợp tác quốc tế giữa các cơ sở giáo dục của Việt Nam và các đối tác có uy tín của nước ngoài;	Cục HTQT	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc

<b>STT</b>	<b>Nhiệm vụ/giải pháp thực hiện</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Cơ quan, đơn vị phối hợp</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Hình thức/Kết quả thực hiện</b>
11.3	Thực hiện tham chiếu Khung trình độ quốc gia Việt Nam với các khung trình độ quốc gia các nước, các khu vực.	Vụ GDĐH	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Báo cáo tham chiếu của Bộ GDĐT
11.4	Tham gia các cơ chế công nhận văn bằng, tín chỉ quốc tế và khu vực	Cục QLCL	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
11.5	Tham gia các chương trình đánh giá, xếp hạng chất lượng giáo dục quốc tế đối với giáo dục phổ thông và các bảng xếp hạng đại học quốc tế có uy tín.	Cục QLCL	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
11.6	Tăng cường trao đổi học sinh, sinh viên và giảng viên; chia sẻ kinh nghiệm quản lý giáo dục và hợp tác nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh việc thu hút sinh viên quốc tế đến học tập tại Việt Nam. Khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam hợp tác về đào tạo, nghiên cứu với các trường, viện nghiên cứu quốc tế chất lượng cao để hình thành nhóm nghiên cứu quốc tế.	Cục HTQT	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
11.7	Tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước, nhất là đào tạo giảng viên trình độ tiến sĩ và chuyên gia các ngành kỹ thuật, công nghệ cao, các ngành trọng điểm mà Việt Nam có nhu cầu.	Cục HTQT	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
11.8	Tăng cường đưa tiếng Việt và văn hóa Việt Nam ra nước ngoài; nâng cao chất lượng dạy học tiếng Việt cho người nước ngoài ở Việt Nam.	Cục HTQT	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn

STT	Nhiệm vụ/giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Hình thức/Kết quả thực hiện
					bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
11.9	Đẩy mạnh hợp tác và đầu tư với nước ngoài, phát triển các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông chất lượng cao, các trường đại học theo hiệp định hợp tác đã ký giữa Việt Nam và nước ngoài; thu hút các cơ sở giáo dục đại học uy tín của nước ngoài mở phân hiệu tại Việt Nam.	Cục HTQT	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm	Các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy định mới; Báo cáo/Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc
11.10	Xây dựng Đề án xây dựng cơ chế, chính sách đột phá để thu hút, sử dụng chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy, nghiên cứu và làm việc ở các cơ sở giáo dục Việt Nam	Cục HTQT	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	2026	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
12	<b>Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045</b>	Vụ KHTC	Các bộ ngành, cơ quan và đơn vị liên quan	Định kỳ 05 năm, 10 năm	Hội nghị/Báo cáo.